

ĐỀ VIP 9+ - ĐỀ SỐ 9

Read the following notice and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 1 to 6.

JOIN OUR ENVIRONMENTAL GROUP!

Are you passionate about protecting the environment? We are looking to recruit new members for our (1) _____ focused on environmental protection projects. Each event provides a (2) _____ experience as we work to make a positive difference in our community.

We (3) _____ into account the diverse backgrounds and interests of our members, allowing everyone to contribute in unique ways. A large (4) _____ of dedicated members have already joined, and we welcome others who share our enthusiasm for sustainability and (5) _____.

(6) _____ benefits of joining include developing new skills, meeting like-minded people, and contributing to important environmental causes. If you're ready to join us in these efforts, please apply today!

For more information, contact us at Lakewoodgreengroup@gmail.com or 555-6831.

Let's create a greener future together!

- | | | | | |
|--------------------|----------------------------------|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Question 1. | A. vibrant team volunteer | B. vibrant volunteer team | | |
| | C. volunteer vibrant team | D. team vibrant volunteer | | |
| Question 2. | A. satisfaction | B. satisfyingly | C. satisfied | D. satisfying |
| Question 3. | A. make | B. take | C. put | D. bring |
| Question 4. | A. number | B. amount | C. deal | D. volume |
| Question 5. | A. renovation | B. conservation | C. restoration | D. preservative |
| Question 6. | A. A little | B. Each | C. Other | D. Others |
-

DỊCH BÀI:

Join Our Environmental Group!

Are you passionate about protecting the environment? We are looking to recruit new members for our vibrant volunteer team focused on environmental protection projects. Each event provides a satisfying experience as we work to make a positive difference in our community.

We take into account the diverse backgrounds and interests of our members, allowing everyone to contribute in unique ways. A large number of dedicated members have already joined, and we welcome others who share our enthusiasm for sustainability and conservation.

Hãy tham gia nhóm môi trường của chúng tôi!

Bạn đam mê bảo vệ môi trường? Chúng tôi đang tìm kiếm tuyển các thành viên mới cho nhóm tình nguyện năng động tập trung vào các dự án bảo vệ môi trường của chúng tôi. Mỗi sự kiện mang đến một trải nghiệm mãn nguyện vì chúng tôi làm việc để tạo nên sự khác biệt tích cực cho cộng đồng của chúng ta.

Chúng tôi xem xét những nền tảng và sở thích đa dạng của các thành viên của chúng tôi, cho phép mọi người đóng góp theo những cách độc đáo. Rất nhiều thành viên tâm huyết đã tham gia, và chúng tôi chòn đón những người khác có cùng chung lòng nhiệt huyết đối với sự bền vững và sự bảo tồn.

Other benefits of joining include developing new skills, meeting like-minded people, and contributing to important environmental causes. If you're ready to join us in these efforts, please apply today!

For more information, contact us at Lakewoodgreengroup@gmail.com or 555-6831.

Let's create a greener future together!

Những lợi ích khác của việc tham gia bao gồm phát triển các kỹ năng mới, gặp gỡ những người có cùng chí hướng, và đóng góp cho những mục đích môi trường quan trọng. Nếu bạn sẵn sàng tham gia cùng chúng tôi trong những nỗ lực này, vui lòng ứng tuyển ngay hôm nay!

Để biết thêm thông tin, hãy liên hệ chúng tôi qua Lakewoodgreengroup@gmail.com hoặc 555-6831.

Hãy cùng nhau tạo nên một tương lai xanh hơn!

GIẢI CÂU 1:

Kiến thức từ vựng:

- vibrant (adj): sôi động, năng động
- volunteer team (n): nhóm tình nguyện

Tạm dịch:

We are looking to recruit new members for our vibrant volunteer team focused on environmental protection projects. (Chúng tôi đang tìm kiếm tuyển các thành viên mới cho nhóm tình nguyện năng động tập trung vào các dự án bảo vệ môi trường của chúng tôi.)

→ **Chọn đáp án B**

GIẢI CÂU 2:

- A.** satisfaction (n): sự hài lòng
- B.** satisfyingly (adv): một cách hài lòng
- C.** satisfied (adj): hài lòng
- D.** satisfying (adj): có tính hài lòng

Ta cần dùng tính từ trước danh từ 'experience'. Để miêu tả đặc điểm, ta dùng 'satisfying'.

Tạm dịch:

Each event provides a satisfying experience as we work to make a positive difference in our community. (Mỗi sự kiện mang đến một trải nghiệm mãn nguyện vì chúng tôi làm việc để tạo nên sự khác biệt tích cực cho cộng đồng của chúng ta.)

→ **Chọn đáp án D**

GIẢI CÂU 3:

Thành ngữ (Idioms):

take something into account: xem xét cái gì

Tạm dịch:

We take into account the diverse backgrounds and interests of our members, allowing everyone to contribute in unique ways. (Chúng tôi xem xét những nền tảng và sở thích đa dạng của các thành viên của chúng tôi, cho phép mọi người đóng góp theo những cách độc đáo.)

→ **Chọn đáp án B**

GIẢI CÂU 4:

Cấu trúc:

- a large number of + N (số nhiều): nhiều
- a large amount of + N (không đếm được): một lượng lớn
- a great/good deal of + N (không đếm được): một lượng lớn
- a volume of + N (không đếm được): một lượng

Tạm dịch:

A large number of dedicated members have already joined,... (Rất nhiều thành viên tâm huyết đã tham gia,...)

→ **Chọn đáp án A**

GIẢI CÂU 5:

- A.** renovation (n): sự cải tạo
- B.** conservation (n): sự bảo tồn
- C.** restoration (n): sự khôi phục, sự phục hồi
- D.** preservative (n): chất bảo quản

Tạm dịch:

A large number of dedicated members have already joined, and we welcome others who share our enthusiasm for sustainability and conservation. (Rất nhiều thành viên tâm huyết đã tham gia, và chúng tôi chào đón những người khác có cùng chung lòng nhiệt huyết đối với sự bền vững và sự bảo tồn.)

→ **Chọn đáp án B**

GIẢI CÂU 6:

- A.** A little + N (không đếm được): một ít, một chút
- B.** Each + N (số ít): mỗi
- C.** Other + N (số nhiều/không đếm được): những cái khác
- D.** Others: những cái khác

Tạm dịch:

Other benefits of joining include developing new skills, meeting like-minded people, and contributing to important environmental causes. (Những lợi ích khác của việc tham gia bao gồm phát triển các kỹ năng mới, gặp gỡ những người có cùng chí hướng, và đóng góp cho những mục đích môi trường quan trọng.)

→ **Chọn đáp án C**

Read the following article and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits

each of the numbered blanks from 7 to 12.

RECENT CHANGES IN GREENFIELD VILLAGE

Greenfield Village, a quiet rural area, has experienced several recent changes while striving to keep its original charm. The local council intends (7) _____ infrastructure to attract more visitors, bringing new amenities and facilities to the area.

Modern cafes and shops, (8) _____ to serve both residents and tourists, add convenience for all. (9) _____ moving to bigger cities, many young locals now prefer to stay, taking advantage of the updated facilities.

Previously, residents enjoyed peaceful surroundings, (10) _____ traffic noise only on rare occasions. Now, increased traffic has become a part of everyday life, requiring a little more patience.

These changes provide residents with easier access (11) _____ essential services, including healthcare and education, right within the village. However, as development continues, Greenfield strives to balance modern growth with its cherished rural (12) ____.

DỊCH BÀI:

Recent Changes in Greenfield Village

Greenfield Village, a quiet rural area, has experienced several recent changes while striving to keep its original charm. The local council intends to improve infrastructure to attract more visitors, bringing new amenities and facilities to the area.

Modern cafes and shops, built to serve both residents and tourists, add convenience for all. Rather than moving to bigger cities, many young locals now prefer to stay, taking advantage of the updated facilities.

Previously, residents enjoyed peaceful surroundings, facing up to traffic noise only on rare occasions. Now, increased traffic has become a part of everyday life, requiring a little more patience.

Những thay đổi gần đây ở Làng Greenfield

Làng Greenfield, một khu vực nông thôn yên bình, đã trải qua một số thay đổi gần đây trong khi vẫn giữ được sự quyến rũ vốn có. Hội đồng địa phương có ý định cải thiện cơ sở hạ tầng để thu hút nhiều du khách hơn, mang đến những tiện ích và cơ sở vật chất mới cho khu vực.

Các tiệm cà phê và cửa hàng hiện đại, được xây dựng để phục vụ cả cư dân và du khách, bổ sung sự tiện lợi cho tất cả mọi người. Thay vì di chuyển đến các thành phố lớn hơn, nhiều người địa phương trẻ giờ đây thích ở lại, tận dụng những cơ sở vật chất mới.

Trước kia, cư dân tận hưởng khung cảnh yên bình, đối mặt với tiếng ồn giao thông chỉ vào những dịp hiếm hoi. Bây giờ, lưu lượng giao thông gia tăng đã trở thành một phần của cuộc sống hàng ngày, đòi hỏi thêm một chút sự kiên nhẫn.

These changes provide residents with easier access to essential services, including healthcare and education, right within the village. However, as development continues, Greenfield strives to balance modern growth with its cherished rural identity.

Những thay đổi này mang đến cho cư dân sự tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ thiết yếu, bao gồm chăm sóc sức khỏe và giáo dục, ngay trong làng. Tuy nhiên, vì việc phát triển vẫn tiếp tục, Greenfield vẫn cố gắng cân bằng giữa phát triển hiện đại và bản sắc nông thôn đáng trân trọng.

- | | | | | |
|---------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------------|----------------------|
| Question 7. | A. to improving | B. improving | C. to improve | D. improve |
| Question 8. | A. which built | B. building | C. are built | D. built |
| Question 9. | A. In the light of | B. Rather than | C. Regardless of | D. Except for |
| Question 10. | A. making up for | | B. getting on with | |
| | C. facing up to | | D. putting up with | |
| Question 11. | A. for | B. at | C. with | D. to |
| Question 12. | A. manners | B. identity | C. landscape | D. duty |

GIẢI CÂU 7:

Động từ nguyên mẫu có to:

intend to do something: có ý định làm gì

Tạm dịch:

The local council intends to improve infrastructure to attract more visitors, bringing new amenities and facilities to the area. (Hội đồng địa phương có ý định cải thiện cơ sở hạ tầng để thu hút nhiều du khách hơn, mang đến những tiện ích và cơ sở vật chất mới cho khu vực.)

→ **Chọn đáp án C**

GIẢI CÂU 8:

Rút gọn mệnh đề quan hệ:

Mệnh đề quan hệ dạng bị động rút gọn bằng cách lược bỏ đại từ quan hệ và to be, giữ nguyên V3/V-ed. (which are built → built)

Tạm dịch:

Modern cafes and shops, built to serve both residents and tourists, add convenience for all. (Các tiệm cà phê và cửa hàng hiện đại, được xây dựng để phục vụ cả cư dân và du khách, bổ sung sự tiện lợi cho tất cả mọi người.)

→ **Chọn đáp án D**

GIẢI CÂU 9: GIA SƯ TẠI HUẾ (079.3833.272)

- A.** Vì, xét tới, trong bối cảnh
- B.** Thay vì
- C.** Bất kể
- D.** Ngoại trừ

Tạm dịch:

Rather than moving to bigger cities, many young locals now prefer to stay, taking advantage of the updated facilities. (Thay vì di chuyển đến các thành phố lớn hơn, nhiều người địa phương trẻ giờ đây thích ở lại, tận dụng những cơ sở vật chất mới.)

→ **Chọn đáp án B**

GIẢI CÂU 10:

Kiến thức cụm động từ (Phrasal verbs):

- make up for something: bù cho cái gì
- get on with somebody: hòa hợp với ai
- face up to something: đối mặt với cái gì
- put up with somebody/something: chịu đựng ai/cái gì

Tạm dịch:

Previously, residents enjoyed peaceful surroundings, facing up to traffic noise only on rare occasions. (Trước kia, cư dân tận hưởng khung cảnh yên bình, đối mặt với tiếng ồn giao thông chỉ vào những dịp hiếm hoi.)

→ **Chọn đáp án C**

GIẢI CÂU 11:**Giới từ:**

access to something: sự tiếp cận cái gì

Tạm dịch:

These changes provide residents with easier access to essential services, including healthcare and education, right within the village. (Những thay đổi này mang đến cho cư dân sự tiếp cận dễ dàng hơn với các dịch vụ thiết yếu, bao gồm chăm sóc sức khỏe và giáo dục, ngay trong làng.)

→ **Chọn đáp án D**

GIẢI CÂU 12:**Kiến thức từ vựng:**

- manner (n): cách ứng xử
- identity (n): bản sắc
- landscape (n): cảnh quan
- duty (n): nghĩa vụ

Tạm dịch:

However, as development continues, Greenfield strives to balance modern growth with its cherished rural identity. (Tuy nhiên, vì việc phát triển vẫn tiếp tục, Greenfield vẫn cố gắng cân bằng giữa phát triển hiện đại và bản sắc nông thôn đáng trân trọng.)

→ **Chọn đáp án B**

Mark the letter A, B, C or D to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions from 13 to 17.

Question 13.

- a. As a result, workers are urged to adapt and reskill, preparing for roles that demand creativity and complex problem-solving.
 - c. Advancements in AI-powered technology have brought dramatic changes to the labour market.
 - b. This trend has also caused some traditional roles to become obsolete, as automation handles repetitive tasks more efficiently.
 - d. This transformation continues to reshape industries, pushing companies to redefine their workforce needs.
 - e. These advancements have led to a shift in job requirements, with employers now seeking workers skilled in data analysis and machine learning.
-

A. c – d – a – e – b B. c – e – b – a – d C. c – a – e – b – d D. c – b – d – e – a

DỊCH BÀI:

Advancements in AI-powered technology have brought dramatic changes to the labour market. These advancements have led to a shift in job requirements, with employers now seeking workers skilled in data analysis and machine learning. This trend has also caused some traditional roles to become obsolete, as automation handles repetitive tasks more efficiently. As a result, workers are urged to adapt and reskill, preparing for roles that demand creativity and complex problem-solving. This transformation continues to reshape industries, pushing companies to redefine their workforce needs.

Những tiến bộ trong công nghệ AI đã mang lại những thay đổi sâu rộng cho thị trường lao động. Các tiến bộ này đã làm thay đổi yêu cầu công việc, khi các nhà tuyển dụng hiện nay tìm kiếm những nhân viên có kỹ năng phân tích dữ liệu và học máy. Xu hướng này cũng khiến một số vai trò truyền thống trở nên lỗi thời, khi tự động hóa đảm nhận các công việc lặp đi lặp lại một cách hiệu quả hơn. Vì vậy, người lao động cần phải thích nghi và nâng cao kỹ năng, chuẩn bị cho những vai trò đòi hỏi sự sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề phức tạp. Sự biến đổi này tiếp tục tái cấu trúc các ngành công nghiệp, thúc đẩy các công ty phải định nghĩa lại nhu cầu về nguồn nhân lực.

→ **Chọn đáp án B**

Question 14.

- a. Maggie: Yes, it's quite worrying. I didn't expect our neighbourhood to have these issues.
 - b. Sam: We should bring that up at the next neighbourhood meeting.
 - c. Maggie: Maybe it's a lack of activities for them. The community centre used to organise events, but they've stopped recently.
 - d. Sam: Have you heard about the recent rise in youth crime rates around here?
 - e. Sam: Me neither. I wonder what's causing this increase in crime among young people.
- A. d – c – b – a – e B. b – a – d – c – e C. d – a – e – c – b D. b – c – e – a – d

DỊCH BÀI:

Sam: Have you heard about the recent rise in youth crime rates around here?

Maggie: Yes, it's quite worrying. I didn't expect our neighbourhood to have these issues.

Sam: Me neither. I wonder what's causing this increase in crime among young people.

Maggie: Maybe it's a lack of activities for them. The community centre used to organise events, but they've stopped recently.

Sam: We should bring that up at the next neighbourhood meeting.

Sam: Bạn đã nghe sự gia tăng gần đây về tỷ lệ tội phạm thiếu niên quanh đây chưa?

Maggie: Có, điều đó khá đáng lo. Mình không nghĩ khu phố chúng ta có những vấn đề này.

Sam: Mình cũng vậy. Mình tự hỏi điều gì gây ra sự gia tăng phạm tội ở những người trẻ.

Maggie: Có lẽ là thiếu các hoạt động cho họ. Trung tâm cộng đồng đã từng tổ chức các sự kiện, nhưng gần đây họ đã ngưng.

Sam: Chúng ta nên nêu lên điều đó tại cuộc họp khu phố tiếp theo.

→ **Chọn đáp án C**

Question 15.

- a. While enduring these harsh words, I tried to focus on my studies, though their insults constantly echoed in my mind.
- b. Teachers noticed my struggle after a while, stepping in to support me, but by then, the experience had already affected my confidence.
- c. It started slowly, with a few comments here and there, but eventually, this behaviour escalated, and I was mocked for my appearance almost every day.
- d. Overall, this painful time taught me the importance of speaking up and seeking help, even when facing challenges alone.
- e. In middle school, I found myself the target of verbal bullying that I hadn't anticipated.
- A. a – b – e – c – d B. c – b – a – e – d C. e – c – a – b – d D. b – a – e – c – d

DỊCH BÀI:

In middle school, I found myself the target of verbal bullying that I hadn't anticipated. It started slowly, with a few comments here and there, but eventually, this behaviour escalated, and I was mocked for my appearance almost every day. While enduring these harsh words, I tried to focus on my studies, though their insults constantly echoed in my mind. Teachers noticed my struggle after a while, stepping in to support me, but by then, the experience had already affected my confidence. Overall, this painful time taught me the importance of speaking up and seeking help, even when facing challenges alone.

Khi còn học trung học cơ sở, tôi đã trở thành mục tiêu của những lời bắt nạt bằng lời nói mà tôi không hề lường trước. Mọi chuyện bắt đầu chậm rãi, chỉ với vài câu nói nhỏ, nhưng dần dần, hành vi này leo thang và tôi bị chế giễu về ngoại hình gần như mỗi ngày. Trong suốt thời gian phải chịu đựng những lời lăng mạ đó, tôi cố gắng tập trung vào việc học, dù những lời xúc phạm vẫn luôn vang vọng trong tâm trí tôi. Một thời gian sau, các thầy cô nhận thấy tôi đang gặp khó khăn và đã can thiệp giúp đỡ, nhưng lúc đó, những trải nghiệm này đã ảnh hưởng đến sự tự tin của tôi. Nhìn chung, khoảng thời gian đau đớn đó đã dạy tôi bài học về tầm quan trọng của việc lên tiếng và tìm sự trợ giúp, ngay cả khi phải đối mặt với thử thách một mình.

→ **Chọn đáp án C**

Question 16.

- a. James: Definitely! I heard we're going to the science museum this time.
b. Lily: I can't wait! I hope we get to try out those interactive exhibits they have.
c. Lily: Hey, are you excited about our next field trip?

A. c – a – b B. b – a – c C. a – c – b D. c – b – a

DỊCH BÀI:	
Lily: Hey, are you excited about our next field trip?	Lily: Này, cậu có háo hức về chuyến đi thực tế tiếp theo của chúng ta không?
James: Definitely! I heard we're going to the science museum this time.	James: Chắc chắn là có rồi! Mình đã nghe rằng chúng ta sẽ đi bảo tàng khoa học vào lần này.
Lily: I can't wait! I hope we get to try out those interactive exhibits they have.	Lily: Mình nóng lòng lắm rồi! Mình hi vọng chúng ta có cơ hội thử qua những triển lãm tương tác mà họ có.
→ Chọn đáp án A	

Question 17.

Dear Animal Shelter Team,

- a. Please let me know if there are specific requirements or steps for moving forward with this application.
b. Having a strong passion for animal welfare, I would like to apply for a volunteer position at your shelter.
c. These responsibilities align with my commitment to creating a safe and supportive environment for every animal in your care.
d. My love for animals and experience in caring for pets have motivated me to take this step toward helping animals in need.
e. I am available to assist with daily tasks, including feeding, cleaning, and providing companionship for the animals.

Sincerely,

Laura

A. a – b – d – e – c B. e – a – b – d – c C. d – b – a – e – c D. b – d – e – c – a

DỊCH BÀI:

Dear Animal Shelter Team,

Having a strong passion for animal welfare, I would like to apply for a volunteer position at your shelter. My love for animals and experience in caring for pets have motivated me to take this step toward helping animals in need. I am available to assist with daily tasks, including feeding, cleaning, and providing companionship for the animals. These responsibilities align with my commitment to creating a safe and supportive environment for every animal in your care. Please let me know if there are specific requirements or steps for moving forward with this application.

Sincerely,

Laura

Kính gửi đội ngũ Trạm Cứu Hộ Động Vật,

Vì có niềm đam mê mãnh liệt với phúc lợi động vật, tôi muốn nộp đơn xin làm tình nguyện viên tại nơi trạm cứu hộ của bạn. Tình yêu đối với động vật và kinh nghiệm chăm sóc thú cưng của tôi đã thúc đẩy tôi thực hiện bước đi này để giúp đỡ những con vật cần được quan tâm. Tôi sẵn sàng hỗ trợ các công việc hàng ngày, bao gồm cho ăn, dọn dẹp và cung cấp sự đồng hành cho các con vật. Những trách nhiệm này phù hợp với cam kết của tôi trong việc tạo ra một môi trường an toàn và hỗ trợ cho mỗi con vật mà quý trạm đang chăm sóc. Xin vui lòng cho tôi biết nếu có yêu cầu hoặc bước tiếp theo cần thực hiện để tiến hành đơn đăng ký này.

Trân trọng,

Laura

→ **Chọn đáp án D**

Read the following passage about the future of printed books and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

The future of printed books remains a topic of much debate in an increasingly digital world. With the rise of e-books and audiobooks, many wonder if physical books, traditionally enjoyed by readers for centuries, (18) _____. While digital formats provide convenience and portability, printed books offer a tangible experience that digital devices often lack. The unique qualities of printed books, (19) _____, continue to attract readers who appreciate the sensory aspects of reading.

Having been cherished by generations, (20) _____. This attachment to physical books has fuelled a niche market of collectors and enthusiasts who value their permanence and aesthetic appeal.

Furthermore, research shows that reading physical books may lead to better comprehension and retention, allowing readers to immerse themselves fully in the content.

As digital publishing has rapidly evolved, (21) _____. This shift demonstrates the efforts made to keep printed books relevant despite the digital age's demands. Although the role of printed books may change, (22) _____.

<p>DỊCH BÀI:</p> <p>The future of printed books remains a topic of much debate in an increasingly digital world. With the rise of e-books and audiobooks, many wonder if physical books, traditionally enjoyed by readers for centuries, will eventually begin to fade away and even disappear altogether. While digital formats provide convenience and portability, printed books offer a tangible experience that digital devices often lack. The unique qualities of printed books, which include the tactile feel of paper and the distinct smell of ink, continue to attract readers who appreciate the sensory aspects of reading.</p> <p>Having been cherished by generations, printed books also hold sentimental value that e-books struggle to replicate. This attachment to physical books has fuelled a niche market of collectors and enthusiasts who value their permanence and aesthetic appeal. Furthermore, research shows that reading physical books may lead to better comprehension and retention, allowing readers to immerse themselves fully in the content.</p>	<p>Tương lai của sách in vẫn là một chủ đề gây nhiều tranh luận trong thế giới ngày càng số hóa. Với sự gia tăng của sách điện tử và sách nói, nhiều người tự hỏi liệu sách giấy, được các độc giả yêu thích trong hàng thế kỷ, sẽ dần bắt đầu phai mờ và thậm chí là biến mất hoàn toàn. Mặc dù các hình thức kỹ thuật số mang đến sự tiện lợi và tính di động, sách in lại mang đến một trải nghiệm hữu hình mà các thiết bị số thường thiếu. Những đặc tính độc đáo của sách in, như cảm giác chạm tay vào giấy và mùi mực đặc trưng, vẫn tiếp tục thu hút những độc giả yêu thích trải nghiệm cảm quan khi đọc.</p> <p>Được các thế hệ trân quý, sách in cũng có giá trị tình cảm mà sách điện tử khó có thể sao chép được. Sự gắn bó với sách in đã thúc đẩy một thị trường ngách của những người sưu tầm và yêu thích, những người trân trọng sự bền vững và vẻ đẹp thẩm mỹ của chúng. Hơn nữa, các nghiên cứu chỉ ra rằng việc đọc sách in có thể giúp cải thiện khả năng hiểu và ghi nhớ, cho phép người đọc hoàn toàn đắm chìm trong nội dung.</p>
--	---

As digital publishing has rapidly evolved, many publishers have had traditional book designs modified to appeal to modern tastes. This shift demonstrates the efforts made to keep printed books relevant despite the digital age's demands. Although the role of printed books may change, they will continue existing, appealing to those valuing authentic reading.

Khi ngành xuất bản kỹ thuật số phát triển nhanh chóng, nhiều nhà xuất bản đã yêu cầu thay đổi thiết kế sách truyền thống để phù hợp với sở thích hiện đại. Sự thay đổi này chứng minh nỗ lực được thực hiện để giữ sách in phổ biến mặc cho những nhu cầu của thời đại kỹ thuật số. Mặc dù vai trò của sách in có thể thay đổi, chúng vẫn tiếp tục tồn tại, hấp dẫn những người coi trọng việc đọc sách chân thật.

Question 18.

- A. having slowly declined and ultimately been phased out
- B. will eventually begin to fade away and even disappear altogether
- C. which will gradually start to vanish and eventually cease to exist
- D. whose presence may slowly diminish and ultimately fade from existence

Cấu trúc:

Ta thấy câu đã có chủ ngữ 'physical books' và cụm rút gọn mệnh đề quan hệ, nên câu thiếu động từ chính. Do vậy, ta loại A vì dùng phân từ hoàn thành. Loại C và D vì dùng mệnh đề quan hệ.

Tạm dịch:

With the rise of e-books and audiobooks, many wonder if physical books, traditionally enjoyed by readers for centuries, will eventually begin to fade away and even disappear altogether. (Với sự gia tăng của sách điện tử và sách nói, nhiều người tự hỏi liệu sách giấy, được các độc giả yêu thích trong hàng thế kỷ, sẽ dần bắt đầu phai mờ và thậm chí là biến mất hoàn toàn.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 19.

- A. which include the tactile feel of paper and the distinct smell of ink
- B. whose combination of tactile feel of paper and distinct smell of ink
- C. blended the tactile feel of paper and the distinct smell of ink
- D. encompassed the tactile feel of paper and the distinct smell of ink

Mệnh đề quan hệ:

Ta thấy câu đã có chủ ngữ ngữ chính và động từ, nên chỗ cần thiếu mệnh đề quan hệ hoặc rút gọn mệnh đề quan hệ

Loại B vì thiếu động từ trong mệnh đề quan hệ.

Loại C và D vì dùng rút gọn dạng bị động không phù hợp (chỉ nên dùng rút gọn dạng chủ động)

Tạm dịch:

The unique qualities of printed books, which include the tactile feel of paper and the distinct smell of ink, continue to attract readers who appreciate the sensory aspects of reading. (Những đặc tính độc đáo của sách in, như cảm giác chạm tay vào giấy và mùi mực đặc trưng, vẫn tiếp tục thu hút những độc giả yêu thích trải nghiệm cảm quan khi đọc.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 20.

- A. sentimental value is a thing that e-books struggle to replace printed books
- B. e-books struggle to take over printed books due to a lack of sentimental value
- C. generations hold sentimental value that printed books overshadow e-books
- D. printed books also hold sentimental value that e-books struggle to replicate

Ta thấy về trước dùng phân từ hoàn thành dạng bị động (Having been cherished), nên ta xét từng đáp án.

- A. các giá trị tình cảm là thứ mà sách điện tử cố gắng thay thế sách in => Sai vì chủ ngữ 'sentimental value' không hợp khi ghép với 'cherished'.
- B. sách điện tử cố gắng thay thế sách in vì thiếu giá trị tình cảm => Sai vì chủ ngữ 'e-books' không phù hợp khi ghép với 'cherished'.
- C. các thế hệ có giá trị tình cảm mà sách in lấn át sách điện tử => Sai vì 'generations' không thể 'cherished'.
- D. sách in cũng có giá trị tình cảm mà sách điện tử khó có thể sao chép được

Tạm dịch:

Having been cherished by generations, printed books also hold sentimental value that e-books struggle to replicate. (Được các thế hệ trân quý, sách in cũng có giá trị tình cảm mà sách điện tử khó có thể sao chép được.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 21.

- A. many publishers have had traditional book designs modified to appeal to modern tastes
- B. traditional books designs have been modified, attracting modern taste of many publishers
- C. the appeal of modern tastes has transformed traditional book designs of many publishers
- D. modern tastes fascinated by many publishers have modified traditional book designs

Ta cần một mệnh đề độc lập phù hợp với ý nghĩa ở mệnh đề trạng ngữ phía trước 'As digital publishing has rapidly evolved' (Khi ngành xuất bản kỹ thuật số phát triển nhanh chóng)

- A. nhiều nhà xuất bản đã phải thay đổi thiết kế sách truyền thống để phù hợp với sở thích hiện đại
- B. các thiết kế sách truyền thống đã được thay đổi, hấp dẫn thị hiếu hiện đại của nhiều nhà xuất bản => Không phù hợp vì không phải 'hấp dẫn các nhà xuất bản'.
- C. sự hấp dẫn của thị hiếu hiện đại đã thay đổi thiết kế sách truyền thống của nhiều nhà xuất bản => Không hợp nghĩa
- D. thị hiếu hiện đại bị hấp dẫn bởi nhiều nhà xuất bản đã thay đổi thiết kế sách truyền thống => Không hợp nghĩa

Tạm dịch:

As digital publishing has rapidly evolved, many publishers have had traditional book designs modified to appeal to modern tastes. (Khi ngành xuất bản kỹ thuật số phát triển nhanh chóng, nhiều nhà xuất bản đã yêu cầu thay đổi thiết kế sách truyền thống để phù hợp với sở thích hiện đại.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 22.

- A. they will continue existing, appealing to those valuing authentic reading
-

- B. those valuing authentic reading finds their continued existence appealing
- C. those appealed by authentic reading will value their continued existence
- D. they will appeal to those valuing authentic reading so as to continue existing

Ta cần một mệnh đề độc lập phù hợp với ý nghĩa ở mệnh đề trạng ngữ phía trước
'Although the role of printed books may change' (Mặc dù vai trò của sách in có thể thay đổi)

- A. chúng vẫn tiếp tục tồn tại, hấp dẫn những người coi trọng việc đọc sách chân thật
- B. những ai coi trọng việc đọc sách chân thật thấy sự tiếp tục hiện diện của chúng là hấp dẫn => Không hợp nghĩa
- C. những ai bị thu hút bởi việc đọc sách chân thật sẽ coi trọng sự tiếp tục hiện diện của chúng => Sai tương tự B
- D. chúng sẽ hấp dẫn những người coi trọng việc đọc sách chân thật để tiếp tục tồn tại => Không hợp nghĩa

Tạm dịch:

Although the role of printed books may change, they will continue existing, appealing to those valuing authentic reading. (Mặc dù vai trò của sách in có thể thay đổi, chúng vẫn tiếp tục tồn tại, hấp dẫn những người coi trọng việc đọc sách chân thật.)

→ **Chọn đáp án A**

Read the following passage about dangers at the ends of the earth and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 23 to 30.

Welcome to Nunavik - a beautiful landscape of forests, blue skies and clear waters. You might think that Nunavik's geographical position at the ends of the Earth keeps it safe from big city problems like air and water pollution.

Unfortunately, the pretty villages of Nunavik have not **escaped** the problems that the rest of the world is facing, too. Some years ago, scientists made a worrying discovery. An extremely dangerous group of chemicals known as 'persistent organic pollutants' (or POPs) were attacking the Arctic environment. POPs are used everywhere - in TVs, in lights and in paint. They are also sprayed onto crops as pesticides. Over time, they become gas and go into the air, and the wind carries **them** thousands of kilometres.

POPs can cause cancer and allergies, as well as other damage. They can also cause developmental problems in babies and children. Clearly, something had to be done about the problem and so in the 1990s, the United Nations held a meeting called the Stockholm Convention to discuss banning lots of the POP chemicals. Since then, many countries have agreed to start producing fewer POP chemicals, and as a result, levels of POPs in the Arctic are **diminishing**.

It will take many years for the problem to go away. For one thing, buildings around the world still have many tons of POPs in their paint and wiring. For all the people and animals in the Arctic regions, their only hope is the work of scientists and the help of the rest of the world in putting an end to POPs once and for all.

(Adapted from *Close-up*)

DỊCH BÀI:

Welcome to Nunavik - a beautiful landscape of forests, blue skies and clear waters. You might think that Nunavik's geographical position at the ends of the Earth keeps it safe from big city problems like air and water pollution.

Unfortunately, the pretty villages of Nunavik have not escaped the problems that the rest of the world is facing, too. Some years ago, scientists made a worrying discovery. An extremely dangerous group of chemicals known as 'persistent organic pollutants' (or POPs) were attacking the Arctic environment. POPs are used everywhere - in TVs, in lights and in paint. They are also sprayed onto crops as pesticides. Over time, they become gas and go into the air, and the wind carries them thousands of kilometres.

Chào mừng đến với Nunavik - một cảnh quan rừng xinh đẹp, bầu trời xanh ngát, và làn nước trong vắt. Có thể bạn nghĩ rằng vị trí địa lý nằm ở cuối Trái Đất của Nunavik giúp nó an toàn khỏi các vấn đề thành phố lớn như ô nhiễm không khí và ô nhiễm nước.

Không may là, ngôi làng xinh đẹp của Nunavik chưa thoát khỏi những vấn đề mà các nơi khác trên thế giới cũng đang đối mặt. Vài năm trước, các nhà khoa học đã có một phát hiện đáng lo ngại. Một nhóm hoá chất cực kỳ nguy hiểm được gọi là "chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ" (hay POP) đang tấn công môi trường Bắc Cực. POP được sử dụng ở mọi nơi - trong TV, trong các đèn và trong màu vẽ. Chúng cũng được phun lên các cây trồng như thuốc trừ sâu. Theo thời gian, chúng hoá thành khí và hoà vào không khí, và gió mang chúng đi xa hàng nghìn km.

POPs can cause cancer and allergies, as well as other damage. They can also cause developmental problems in babies and children. Clearly, something had to be done about the problem and so in the 1990s, the United Nations held a meeting called the Stockholm Convention to discuss banning lots of the POP chemicals. Since then, many countries have agreed to start producing fewer POP chemicals, and as a result, levels of POPs in the Arctic are diminishing.

It will take many years for the problem to go away. For one thing, buildings around the world still have many tons of POPs in their paint and wiring. For all the people and animals in the Arctic regions, their only hope is the work of scientists and the help of the rest of the world in putting an end to POPs once and for all.

POP có thể gây ung thư và dị ứng, cũng như các thiệt hại khác. Chúng cũng có thể gây ra các vấn đề về phát triển ở trẻ nhỏ và trẻ em. Rõ ràng là, cần làm gì đó để giải quyết vấn đề và vì thế vào những năm 1990, Liên Hợp Quốc đã tổ chức một cuộc họp có tên Hội nghị Stockholm để thảo luận về việc cấm rất nhiều hoá chất POP. Kể từ đó, nhiều quốc gia đã đồng ý sản xuất ít chất hoá học POP hơn, và kết quả là, nồng độ POP ở Bắc Cực đang giảm xuống.

Sẽ mất nhiều năm để vấn đề dần biến mất. Trước hết, các toà nhà khắp thế giới vẫn có nhiều tấn POP trong sơn và hệ thống dây. Đối với tất cả người và động vật ở vùng Bắc Cực, hi vọng duy nhất của họ là công việc của các nhà khoa học và sự giúp đỡ của các nước khác trong việc đặt dấu chấm hết mãi mãi cho POP.

Question 23. The word escaped in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- A. responded B. managed C. affected D. avoided

Từ “escaped” trong đoạn 2 đồng nghĩa với từ _____.

- A. phản hồi
B. quản lý
C. ảnh hưởng
D. tránh

escape (v): thoát khỏi = avoid

→ **Chọn đáp án D**

Question 24. According to paragraph 2, what is said about POPs?

- A. They are mainly used by farmers. B. They become toxic gas in a few days.
C. They had a bad impact on the Arctic. D. They were discovered by chance.

Theo đoạn 2, điều gì được nói về POP?

- A. Chúng chủ yếu được sử dụng bởi những người nông dân.
- B. Chúng trở thành khí độc trong vài ngày.
- C. Chúng có tác động xấu đối với vùng Bắc Cực.
- D. Chúng được tình cờ phát hiện.

Thông tin:

An extremely dangerous group of chemicals known as 'persistent organic pollutants' (or **POPs**) **were attacking the Arctic environment**. (Một nhóm hoá chất cực kỳ nguy hiểm được gọi là "chất ô nhiễm hữu cơ khó phân huỷ" (hay POP) đang tấn công môi trường Bắc Cực.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 25. The word **them** in paragraph 2 refers to _____. GIA SƯ TẠI HUẾ (079.3833.272)

- A. crops
- B. POPs
- C. pesticides
- D. chemicals

Từ "them" trong đoạn 2 đề cập đến _____

- A. những cây trồng
- B. các POP
- C. thuốc trừ sâu
- D. các hóa chất

Thông tin:

POPs are used everywhere – in TVs, in lights and in paint. They are also sprayed onto crops as pesticides. Over time, they become gas and go into the air, and the wind carries **them** thousands of kilometres. (POP được sử dụng ở mọi nơi – trong TV, trong các đèn và trong màu vẽ. Chúng cũng được phun lên các cây trồng như thuốc trừ sâu. Theo thời gian, chúng hoá thành khí và hoà vào không khí, và gió mang chúng đi xa hàng nghìn km)

→ **Chọn đáp án B**

Question 26. The word **diminishing** in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. declining B. increasing C. recycling D. changing

Từ “diminishing” trong đoạn 3 trái nghĩa với từ _____.

- A. giảm
B. tăng
C. tái chế
D. thay đổi

Thông tin:

diminish (v): giảm >< increase

→ **Chọn đáp án B**

Question 27. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

It will take many years for the problem to go away.

- A. The issue will need considerable time before it is fully resolved.
B. The problem will eventually be gone within a few years.
C. The problem won't be completely avoided for a long time.
D. The issue will require many efforts to gradually decrease.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân ở đoạn 4 một cách đúng nhất?

- A. Vấn đề sẽ cần thời gian đáng kể trước khi nó được giải quyết triệt để.
B. Vấn đề sẽ dần đi qua trong vài năm.
C. Vấn đề sẽ không được tránh hoàn toàn trong thời gian dài.
D. Vấn đề sẽ đòi hỏi nhiều nỗ lực để dần giảm bớt.

Thông tin:

It will take many years for the problem to go away. (Sẽ mất nhiều năm để vấn đề dần biến mất.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 28. Which of the following is NOT true according to the passage?

- A. People who are exposed to POPs are likely to suffer from cancer and allergies.
B. When POPs go into the air, they can be carried by the wind thousands of kilometres.
C. The Stockholm Convention was organised in order to deal with the POP chemicals.
D. Many countries have still produced POPs despite the ban enacted by the United Nations.

Điều nào sau đây không đúng theo đoạn văn?

- A. Những người tiếp xúc với các POPs có khả năng mắc ung thư và kích ứng.
- B. Khi các POP đi vào không khí, chúng có thể được gió mang đi hàng nghìn cây số.
- C. Hội nghị Stockholm đã được tổ chức để đối phó với các hóa chất POP.
- D. Nhiều quốc gia vẫn sản xuất các POP mặc dù Liên Hiệp Quốc đã ban hành lệnh cấm.

Thông tin:

+ **POPs can cause cancer and allergies**, as well as other damage. (POP có thể gây ung thư và kích ứng, cũng như các tổn hại khác)

→ A đúng

+ Over time, they become gas and go into the air, and **the wind carries them thousands of kilometres**. (Theo thời gian, chúng hoá thành khí và hoà vào không khí, và gió mang chúng đi xa hàng nghìn km.)

→ B đúng

+ Clearly, something had to be done about the problem and so in the 1990s, **the United Nations held a meeting called the Stockholm Convention to discuss banning lots of the POP chemicals**. (Rõ ràng, phải làm gì đó để giải quyết vấn đề và vì thế vào những năm 1990, Liên Hợp Quốc đã tổ chức một cuộc họp có tên Hội nghị Stockholm để thảo luận về việc cấm nhiều hoá chất POP.)

→ C đúng

+ Since then, **many countries have agreed to start producing fewer POP chemicals**, and as a result, levels of POPs in the Arctic are falling. (Kể từ đó, nhiều quốc gia đã đồng ý sản xuất ít chất hoá học POP hơn, và kết quả là, nồng độ POP ở Bắc Cực đang giảm xuống.)

→ D sai

→ **Chọn đáp án D**

Question 29. In which paragraph does the writer discuss health problems caused by a group of chemicals?

- A. Paragraph 1 B. Paragraph 2 C. Paragraph 3 D. Paragraph 4

Người viết thảo luận về các vấn đề sức khỏe do các nhóm hóa chất gây ra trong đoạn nào?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin:

POPs can cause **cancer and allergies**, as well as other damage. They can also cause **developmental problems in babies and children**. Clearly, something had to be done about the problem and so in the 1990s, the United Nations held a meeting called the Stockholm Convention to discuss banning lots of the POP chemicals. Since then, many countries have agreed to start producing fewer POP chemicals, and as a result, levels of POPs in the Arctic are falling. (POP có thể gây ung thư và dị ứng, cũng như các thiệt hại khác. Chúng cũng có thể gây ra các vấn đề về phát triển ở trẻ nhỏ và trẻ em. Rõ ràng là, cần làm gì đó để giải quyết vấn đề và vì thế vào những năm 1990, Liên Hợp Quốc đã tổ chức một cuộc họp có tên Hội nghị Stockholm để thảo luận về việc cấm rất nhiều hoá chất POP. Kể từ đó, nhiều quốc gia đã đồng ý sản xuất ít chất hoá học POP hơn, và kết quả là, nồng độ POP ở Bắc Cực đang giảm xuống.)

→ **Chọn đáp án C**

Question 30. In which paragraph does the writer emphasise the urgent need for collective action?

- A. Paragraph 1
- B. Paragraph 2
- C. Paragraph 3
- D. Paragraph 4

Người viết nhấn mạnh sự cấp thiết đối với hành động tập thể trong đoạn nào?

- A. Đoạn 1
- B. Đoạn 2
- C. Đoạn 3
- D. Đoạn 4

Thông tin:

It will take many years for the problem to go away. For one thing, buildings around the world still have many tons of POPs in their paint and wiring. For all the people and animals in the Arctic regions, their only hope is **the work of scientists and the help of the rest of the world in putting an end to POPs once and for all**. (Sẽ mất nhiều năm để vấn đề dần biến mất. Trước hết, các toà nhà khắp thế giới vẫn có nhiều tấn POP trong sơn và hệ thống dây. Đối với tất cả người và động vật ở vùng Bắc Cực, hi vọng duy nhất của họ là công việc của các nhà khoa học và sự giúp đỡ của các nước khác trong việc đặt dấu chấm hết mãi mãi cho POP.)

→ **Chọn đáp án D**

Read the following passage about megacities in China and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions from 31 to 40.

[I] Right now, an important transformation has already begun and it looks like it will continue for years to come. [II] China is a country where the population is in movement. Some experts calculate that over 260 million people are moving, more than the entire population of a huge country like Brazil! [III] At the moment, less than half the population of China lives in cities, but that situation is changing and it is changing fast. [IV]

Traditionally, the majority of the population of China has lived in quiet, rural areas. But industry is growing so fast that there is constant need for new workers in the city, in factories, construction sites, shops and offices. Until recently there was no need to build such enormous cities in China. But now there is an **urgent** need to build, to build big, tall and fast.

Few Chinese people live in detached or semi-detached houses. So, many large blocks of flats have appeared in the suburbs of these new Chinese megacities to accommodate the new arrivals. Day by day, these lively new megacities keep expanding. As cities increase in size, they eat up historic old buildings and **invade** the quiet villages nearby. Nearly 160 Chinese cities have passed one million inhabitants in the last 20 years and they continue to grow today. **The future consequences of these enormous changes are still difficult to predict, both for China and for the whole planet.**

Luckily, China has already realised the impact that megacities could have on the environment. So they have started designing and building new 'eco-cities'. In these eco-cities there is an emphasis on clean, renewable energy. For example, in one eco-city engineers have just started work on the construction of the world's tallest and greenest skyscrapers, the Phoenix Towers. The idea of these stunning towers is to use solar power for electricity and to collect rainwater for the use of the residents. Hopefully, with plans like this China's megacities can be attractive, clean, modern and good for the environment.

(Adapted from *Gateway*)

DỊCH BÀI:

Right now, an important transformation has already begun and it looks like it will continue for years to come. China is a country where the population is in movement. Some experts calculate that over 260 million people are moving, more than the entire population of a huge country like Brazil! And they are all moving in the same direction – from the country to the city. At the moment, less than half the population of China lives in cities, but that situation is changing and it is changing fast.

Traditionally, the majority of the population of China has lived in quiet, rural areas. But industry is growing so fast that there is constant need for new workers in the city, in factories, construction sites, shops and offices. Until recently there was no need to build such enormous cities in China. But now there is an urgent need to build, to build big, tall and fast.

Ngay lúc này, một quá trình chuyển đổi quan trọng đã bắt đầu và có vẻ nó sẽ tiếp tục trong nhiều năm tới. Trung Quốc là một quốc gia có dân cư đang di chuyển. Một số chuyên gia ước tính rằng hơn 260 triệu người đang di chuyển, nhiều hơn toàn bộ dân số của một quốc gia khổng lồ như Brazil! Và họ đều di chuyển theo cùng một hướng – từ nông thôn đến thành phố! Hiện tại, gần một nửa dân số Trung Quốc sống ở các thành phố, nhưng tình hình đang thay đổi và nó đang thay đổi nhanh chóng.

Trước kia, đa số người dân Trung Quốc đã sống ở những khu vực yên tĩnh ở thôn quê. Nhưng công nghiệp đang phát triển nhanh đến nỗi không ngừng có nhu cầu về các công nhân mới ở thành phố, trong các nhà máy, công trường, cửa hàng và văn phòng. Cho đến gần đây, nhu cầu về xây dựng những thành phố khổng lồ như thế ở Trung Quốc vẫn chưa xuất hiện. Nhưng bây giờ nhu cầu cấp thiết là xây, xây to, cao và nhanh.

Few Chinese people live in detached or semi-detached houses. So, many large blocks of flats have appeared in the suburbs of these new Chinese megacities to accommodate the new arrivals. Day by day, these lively new megacities keep expanding. As cities increase in size, they eat up historic old buildings and invade the quiet villages nearby. Nearly 160 Chinese cities have passed one million inhabitants in the last 20 years and they continue to grow today. The future consequences of these enormous changes are still difficult to predict, both for China and for the whole planet.

Luckily, China has already realised the impact that megacities could have on the environment. So they have started designing and building new 'eco-cities'. In these eco-cities there is an emphasis on clean, renewable energy. For example, in one eco-city engineers have just started work on the construction of the world's tallest and greenest skyscrapers, the Phoenix Towers. The idea of these stunning towers is to use solar power for electricity and to collect rainwater for the use of the residents. Hopefully, with plans like this China's megacities can be attractive, clean, modern and good for the environment.

Rất ít người Trung Quốc sống trong các ngôi nhà biệt lập hoặc nhà song lập. Vì thế, nhiều tòa chung cư rộng lớn đã xuất hiện ở ngoại ô của những siêu đô thị Trung Quốc mới này để chứa những người mới đến. Ngày qua ngày, những siêu thành phố này tiếp tục mở rộng. Khi thành phố tăng diện tích, chúng nuốt chửng các công trình lịch sử cũ và xâm lấn các ngôi làng yên bình lân cận. Gần 160 thành phố Trung Quốc đã vượt mốc 1 triệu dân trong 20 năm qua và chúng tiếp tục gia tăng ngày nay. Hậu quả tương lai của những thay đổi khổng lồ này vẫn khó dự đoán, cả với Trung Quốc và đối với cả hành tinh.

May mắn thay, Trung Quốc đã nhận ra tác động mà những siêu đô thị có thể gây ra cho môi trường. Vì thế họ đã bắt đầu thiết kế và xây dựng các “thành phố sinh thái” mới. Những thành phố sinh thái này chú trọng vào năng lượng sạch và có thể tái tạo. Ví dụ, ở một thành phố sinh thái nọ, các kỹ sư vừa bắt đầu thi công công trình tòa nhà chọc trời cao nhất và xanh nhất thế giới, Tháp Phoenix. Ý tưởng về những tòa tháp đáng kinh ngạc này là để sử dụng điện từ năng lượng mặt trời và thu nước mưa để sử dụng cho cư dân. Hi vọng rằng, với những kế hoạch như thế này, các siêu thành phố của Trung Quốc có thể trở nên hấp dẫn, sạch đẹp, hiện đại và tốt cho môi trường.

Question 31. Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

And they are all moving in the same direction – from the country to the city.

- A. [I] B. [II] C. [III] D. [IV]

Câu sau đây phù hợp nhất ở vị trí nào trong đoạn 1?

- A. (I)
B. (II)
C. (III)
D. (IV)

Ta thấy câu phía trước vị trí số (III) có đề cập hiện tượng ‘hơn 260 triệu người ở Trung Quốc đang di chuyển’, nên câu cần điền sẽ phù hợp nhất khi điền ở vị trí số (III).

Thông tin:

Some experts calculate that over 260 million people are moving, more than the entire population of a huge country like Brazil! And they are all moving in the same direction – from the country to the city. (Một số chuyên gia ước tính rằng hơn 260 triệu người đang di chuyển, nhiều hơn toàn bộ dân số của một quốc gia khổng lồ như Brazil! Và họ đều di chuyển theo cùng một hướng – từ nông thôn đến thành phố!)

→ **Chọn đáp án C**

Question 32. The word **it** in paragraph 1 refers to _____.

- A. transformation B. population C. China D. situation

Từ “it” trong đoạn 1 đề cập đến_____.

- A. sự chuyển đổi
B. dân số
C. Trung Quốc
D. tình hình

Thông tin:

At the moment, less than half the population of China lives in cities, but that **situation** is changing and **it** is changing fast. (Hiện tại, gần một nửa dân số Trung Quốc sống ở các thành phố, nhưng tình hình đang thay đổi và nó đang thay đổi nhanh chóng.)

→ **Chọn đáp án D**

Question 33. According to the passage, more and more people move to live in cities in China because _____.

- A. they are bored with the quiet pace of life in the country
B. industry expansion has created demand for urban labour
C. there has been a fall in living standards in the country
D. people find it hard to make ends meet in the country
-

Theo đoạn văn, ngày càng có nhiều người chuyển đến sống ở các thành phố của Trung Quốc vì -----.

- A. họ chán nản sống yên tĩnh ở nông thôn
- B. sự mở rộng công nghiệp đã tạo nên nhu cầu về lao động thành thị
- C. có sự giảm mức sống ở nông thôn
- D. mọi người cảm thấy khó để xoay sở sống qua ngày ở nông thôn

Thông tin:

Traditionally, the majority of the population of China has lived in quiet, rural areas. But **industry is growing so fast that there is constant need for new workers in the city, in factories, construction sites, shops and offices.** Until recently there was no need to build such enormous cities in China. (Trước kia, đa số người dân Trung Quốc đã sống ở những khu vực yên tĩnh ở thôn quê. Nhưng công nghiệp đang phát triển nhanh đến nỗi không ngừng có nhu cầu về các công nhân mới ở thành phố, trong các nhà máy, công trường, cửa hàng và văn phòng. Cho đến gần đây, nhu cầu về xây dựng những thành phố khổng lồ như thế ở Trung Quốc vẫn chưa xuất hiện.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 34. The word urgent in paragraph 2 can be best replaced by _____.

- A. pressing
- B. possible
- C. reduced
- D. common

Từ “urgent” trong đoạn 2 đồng nghĩa với từ -----.

- A. pressing (adj): cấp thiết
- B. possible (adj): có khả năng
- C. reduced (adj): giảm
- D. common (adj): phổ biến

urgent (adj): cấp thiết, khẩn cấp = pressing

→ **Chọn đáp án A**

Question 35. The word invade in paragraph 3 is OPPOSITE in meaning to _____.

- A. preserve
- B. suspend
- C. prevent
- D. spoil

Từ “invade” trong đoạn 3 trái nghĩa với từ -----.

- A. preserve (v): gìn giữ, bảo vệ
- B. suspend (v): đình chỉ
- C. prevent (v): ngăn chặn
- D. spoil (v): làm hỏng, phá huỷ

invade (v): xâm lược, xâm lấn >< preserve

→ **Chọn đáp án A**

Question 36. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 3?

The future consequences of these enormous changes are still difficult to predict, both for China and for the whole planet.

- A. The impact of these major changes on both China and the rest of the world remains uncertain.
- B. The extent of these vast changes will only be completely comprehended in the future for China and beyond.
- C. Were these enormous changes comprehensible, it would be more straightforward for both China and the whole world to foresee the future results.
- D. Both China and the world have to deal with future consequences that become less predictable with the rise of some major changes.

Câu nào sau đây diễn giải lại câu được gạch chân ở đoạn 3 một cách đúng nhất?

- A.** Tác động của những thay đổi lớn này đến cả Trung Quốc và các nước còn lại trên thế giới vẫn còn bất định.
- B.** Mức độ của những thay đổi to lớn này chỉ có thể được hiểu đầy đủ trong tương lai đối với Trung Quốc và nhiều nơi khác.
- C.** Nếu những thay đổi to lớn này có thể hiểu được, thì sẽ dễ dàng hơn cho cả Trung Quốc và toàn thế giới để dự đoán kết quả trong tương lai
- D.** Cả Trung Quốc và các nước còn lại trên thế giới phải giải quyết những hậu quả tương lai mà trở nên khó có thể dự đoán với sự gia tăng của một số thay đổi lớn.

Thông tin:

The future consequences of these enormous changes are still difficult to predict, both for China and for the whole planet. (Hậu quả tương lai của những thay đổi khổng lồ này vẫn khó dự đoán, cả với Trung Quốc và đối với cả hành tinh.)

→ **Chọn đáp án A**

Question 37. Which of the following best summarises paragraph 4?

- A.** Phoenix Towers are the greenest skyscrapers in China, focusing on clean energy and green urban spaces for environmental benefits.
- B.** China's eco-cities, including Phoenix Towers, emphasise renewable energy to make megacities attractive and sustainable.
- C.** Engineers in China are building Phoenix Towers, designed to use rainwater and solar power efficiently.
- D.** China has developed several eco-cities, with Phoenix Towers being the most famous skyscrapers whose plans are to use solar energy.

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất đoạn 4?

- A.** Tháp Phoenix là tòa nhà chọc trời xanh nhất ở Trung Quốc, tập trung vào năng lượng sạch và các không gian đô thị xanh cho các lợi ích môi trường. => Sai vì chỉ tập trung vào tháp Phoenix.
- B.** Các thành phố sinh thái của Trung Quốc, bao gồm tháp Phoenix, nhấn mạnh năng lượng tái tạo để khiến các siêu đô thị thu hút và bền vững.
- C.** Các kỹ sư ở Trung Quốc đang xây dựng tháp Phoenix, được thiết kế để sử dụng nước mưa và năng lượng mặt trời một cách hiệu quả. => Tương tự A
- D.** Trung Quốc đã phát triển một số thành phố sinh thái, với tháp Phoenix là tòa nhà chọc trời **nổi tiếng nhất** có các kế hoạch sử dụng năng lượng mặt trời.

Tóm tắt:

Đoạn văn nhấn mạnh sự tập trung của Trung Quốc vào các thành phố sinh thái sử dụng năng lượng tái tạo và thiết kế bền vững để tạo ra các thành phố lớn hấp dẫn, hiện đại và thân thiện với môi trường.

==> Các thành phố sinh thái của Trung Quốc, bao gồm tháp Phoenix, nhấn mạnh năng lượng tái tạo để khiến các siêu đô thị thu hút và bền vững.

→ **Chọn đáp án B**

Question 38. Which of the following is TRUE according to the passage?

- A.** Building enormous cities in China started to become popular a long time ago, supporting economic growth and modernisation.
 - B.** Chinese citizens no longer live and work in peaceful rural areas, leading to a decline in traditional lifestyles.
 - C.** Planners of eco-cities in China attach special importance to renewable energy, aiming to support sustainability.
 - D.** Chinese citizens often prefer living in detached houses over semi-detached ones, valuing privacy and
-

personal space.

Điều nào sau đây là đúng theo đoạn văn?

- A.** Việc xây dựng các thành phố khổng lồ ở Trung Quốc đã bắt đầu trở nên phổ biến từ rất lâu, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế và hiện đại hóa.
- B.** Cư dân Trung Quốc không còn sống và làm việc ở các khu vực nông thôn yên bình, dẫn đến sự sụt giảm lối sống truyền thống.
- C.** Các nhà quy hoạch thành phố sinh thái coi năng lượng tái tạo đặc biệt quan trọng, hướng đến việc ủng hộ bền vững.
- D.** Người dân Trung Quốc thường thích sống trong các căn nhà biệt lập hơn là song lập, coi trọng sự riêng tư và không gian cá nhân.

Thông tin:

+ **Until recently there was no need to build such enormous cities in China.** But now there is an urgent need to build, to build big, tall and fast. (Cho đến gần đây, nhu cầu về xây dựng những thành phố khổng lồ như thế ở Trung Quốc vẫn chưa xuất hiện. Nhưng bây giờ nhu cầu cấp thiết là xây, xây to, cao và nhanh.)

→ A sai

+ Traditionally, the **majority of the population of China has lived in quiet, rural areas.** (Theo truyền thống, đa số người dân Trung Quốc vẫn sống ở những khu vực yên tĩnh ở thôn quê.)

→ B sai vì họ dùng 'has lived' (hiện tại hoàn thành), nghĩa là nhiều người vẫn sống ở quê.

+ **Few Chinese people live in detached or semi-detached houses.** (Rất ít người Trung Quốc sống trong các ngôi nhà biệt lập hoặc nhà song lập.)

→ D sai

+ So they have started designing and building new 'eco-cities'. In these eco-cities **there is an emphasis on clean, renewable energy.** (Vì thế họ đã bắt đầu thiết kế và xây dựng các "thành phố sinh thái" mới. Những thành phố sinh thái này chú trọng vào năng lượng sạch và có thể tái tạo.)

→ C đúng

→ **Chọn đáp án C**

Question 39. Which of the following can be inferred from the passage?

- A. The Chinese government has failed to address the problems that are posed by megacities.
 - B. China's megacities may not currently meet the standards of being environmentally friendly.
 - C. The construction of eco-cities in China will come at the expense of economic development.
 - D. Building the Phoenix Towers indicates China's ambition to become the greenest country.
-

Điều nào có thể suy ra từ đoạn văn?

- A. Chính phủ Trung Quốc không thể giải quyết các vấn đề do các siêu đô thị gây ra.
- B. Các siêu đô thị của Trung Quốc hiện có vẻ như chưa đáp ứng tiêu chuẩn thân thiện với môi trường.
- C. Việc xây dựng các thành phố sinh thái ở Trung Quốc sẽ phải trả giá bằng sự phát triển kinh tế.
- D. Việc xây dựng Tháp Phoenix chỉ ra rằng Trung Quốc có tham vọng trở thành quốc gia xanh nhất.

Thông tin:

Hopefully, with **plans like this China's megacities** can be attractive, clean, modern and **good for the environment**. (Hi vọng rằng, với những kế hoạch như thế này, các siêu thành phố của Trung Quốc có thể trở nên hấp dẫn, sạch đẹp, hiện đại và tốt cho môi trường.)

→ **Chọn đáp án B**

Question 40. Which of the following best summarises the passage?

- A. China's rural population is steadily declining as people migrate to megacities, causing a considerable strain on infrastructure and resources to keep up with the rising demand.
- B. China's shift to urban living is always accompanied by the development of eco-cities that focus on sustainable energy solutions, such as the innovative Phoenix Towers project.
- C. Driven by urbanisation and the rising demand for workers, China's megacities are expanding rapidly, with eco-cities being introduced to address environmental challenges.
- D. The demand for workers drives China's rapid economic growth, with new eco-cities being developed to address environmental concerns and promote sustainability. GIA SƯ TẠI HUẾ (079.3833.272)

Câu nào sau đây tóm tắt đúng nhất đoạn văn?

- A. Dân số nông thôn của Trung Quốc đang giảm dần khi mọi người di cư đến các thành phố lớn, gây ra áp lực đáng kể lên cơ sở hạ tầng và nguồn lực để theo kịp nhu cầu ngày càng tăng.
- B. Sự chuyển dịch sang cuộc sống đô thị của Trung Quốc luôn đi kèm với sự phát triển của các thành phố sinh thái tập trung vào các giải pháp năng lượng bền vững, chẳng hạn như dự án Phoenix Towers sáng tạo.
- C. Được thúc đẩy bởi quá trình đô thị hóa và nhu cầu ngày càng tăng về người lao động, các thành phố lớn của Trung Quốc đang mở rộng nhanh chóng, với các thành phố sinh thái được đưa vào sử dụng để giải quyết các thách thức về môi trường.
- D. Nhu cầu về người lao động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh chóng của Trung Quốc, với các thành phố sinh thái mới được phát triển để giải quyết các mối quan tâm về môi trường và thúc đẩy tính bền vững.

Tóm tắt:

Đoạn văn nói về sự mở rộng nhanh chóng của các siêu đô thị ở Trung Quốc do quá trình đô thị hóa và nhu cầu về lao động, đồng thời đề cập đến việc xây dựng các thành phố sinh thái như giải pháp cho các vấn đề môi trường.

→ **Chọn đáp án C**

BẢNG TỪ VỰNG

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	landscape	n	/ˈlænd.skeɪp/	cảnh quan
2	geographical	adj	/ˌdʒi.əˈgræf.ɪ.kəl/	thuộc địa lý
3	extremely	adv	/ɪkˈstriːm.li/	cực kỳ
4	persistent	adj	/pəˈsɪs.tənt/	bền
5	organic	adj	/ɔːˈɡæn.ɪk/	hữu cơ
6	attack	v	/əˈtæk/	tấn công
7	spray	v	/spreɪ/	xịt, phun
8	pesticide	n	/ˈpes.tɪ.saɪd/	thuốc trừ sâu
9	cancer	n	/ˈkæn.sər/	bệnh ung thư
10	sustainability	n	/səˌsteɪ.nəˈbɪl.ə.ti/	tính bền vững
11	toxic	adj	/ˈtɒk.sɪk/	độc hại
12	vulnerable	adj	/ˈvʌl.nərə.bəl/ /ˈvʌn.rə.bəl/	dễ bị tổn thương
13	transformation	n	/ˌtræns.fəˈmeɪ.ʃən/	sự chuyển đổi
14	constant	adj	/kənˈtənt/	không ngừng
15	urgent	adj	/ˈɜː.dʒənt/	khẩn cấp
16	megacity	n	/ˈmeg.ə.sɪ.ti/	siêu đô thị
17	invade	v	/ɪnˈveɪd/	xâm lấn
18	skyscraper	n	/ˈskaɪ.skreɪ.pər/	tòa nhà chọc trời
19	passionate	adj	/ˈpæʃ.ən.ət/	đam mê
20	recruit	v	/rɪˈkruːt/	tuyển
21	project	n	/ˈprɒdʒ.ekt/	dự án
22	dedicated	adj	/ˈded.ɪ.keɪ.tɪd/	tận tâm
23	contribute	v	/kənˈtrɪb.juːt/ /ˈkɒn.trɪ.bjuːt/	đóng góp
24	enthusiasm	n	/ɪnˈθjuː.zi.æz.əm/	sự nhiệt huyết
25	effort	n	/ˈef.ət/	nỗ lực
26	vibrant	adj	/ˈvaɪ.brənt/	sôi động
27	satisfaction	n	/ˌsæt.ɪsˈfæk.ʃən/	sự hài lòng
28	satisfying	adj	/ˈsæt.ɪs.fɑɪ.ɪŋ/	mang lại sự hài lòng
29	satisfied	adj	/ˈsæt.ɪs.fɑɪd/	hài lòng
30	renovation	n	/ˌren.əˈveɪ.ʃən/	sự cải tạo
31	restoration	n	/ˌres.tərˈeɪ.ʃən/	sự khôi phục
32	preservative	n	/prɪˈzɜː.və.tɪv/	chất bảo quản
33	recent	adj	/ˈriː.sənt/	gần đây
34	charm	n	/tʃɑːm/	sự quyến rũ
35	original	adj	/əˈrɪdʒ.ən.əl/	ban đầu
36	intent	n	/ɪnˈtent/	ý định
37	resident	n	/ˈrez.ɪ.dənt/	cư dân
38	peaceful	adj	/ˈpiː.s.fəl/	yên bình
39	complex	adj	/ˈkɒm.pleks/ /kəmˈpleks/	phức tạp

40	advancement	n	/əd'vɑ:ns.mənt/	sự cải tiến, sự tiến bộ
41	dramatic	adj	/drə'mæt.ɪk/	đáng kể
42	trend	n	/trend/	xu hướng
43	obsolete	adj	/,ɒb.sə'l'i:t/	lỗi thời
44	automation	n	/,ɔ:tə'mei.ʃən/	sự tự động hóa
45	repetitive	adj	/rɪ'pet.ə.tɪv/	có tính lặp đi lặp lại
46	workforce	n	/'wɜ:k.fɔ:s/	lực lượng lao động
47	requirement	n	/rɪ'kwaɪə.mənt/	yêu cầu
48	analysis	n	/ə'næl.ə.sɪs/	phân tích
49	crime	n	/kraɪm/	tội phạm
50	harsh	adj	/hɑ:ʃ/	gay gắt
51	infrastructure	n	/'ɪn.frə'strʌk.tʃər/	cơ sở hạ tầng
52	amenity	n	/ə'mɪ:.nə.ti/	tiện ích
53	insult	n	/'ɪn.sʌlt/	lời xúc phạm
54	constantly	adv	/'kɒn.stənt.li/	liên tục, không ngừng
55	echo	v	/'ek.əʊ/	vang vọng
56	escalate	v	/'es.kə.leɪt/	leo thang
57	painful	adj	/'peɪn.fəl/	đau khổ, đau đớn
58	bullying	n	/'bʊl.i.ɪŋ/	sự bắt nạt
59	anticipate	v	/æn'tɪs.i.peɪt/	dự đoán
60	verbal	adj	/'vɜ:..bəl/	bằng lời nói
61	exhibit	n	/ɪg'zɪb.ɪt/	cuộc triển lãm
62	digital	adj	/'dɪdʒ.ɪ.təl/	thuộc kỹ thuật số
63	format	n	/'fɔ:..mæt/	hình thức, định dạng
64	portability	n	/,pɔ:..tə'bɪl.ə.ti/	tính di động
65	tangible	adj	/'tæŋ.dʒə.bəl/	hữu hình
66	appreciate	v	/ə'pri:..ʃi.eɪt/	đánh giá cao
67	commitment	n	/kə'mɪt.mənt/	cam kết
68	specific	adj	/spə'sɪf.ɪk/	cuộc thể
69	comprehension	n	/,kɒm.prɪ'hen.ʃən/	sự hiểu
70	retention	n	/rɪ'ten.ʃən/	sự giữ lại
71	immerse	v	/ɪ'mɜ:s/	hòa mình, chìm đắm
72	vanish	v	/'væn.ɪʃ/	biến mất
73	tactile	adj	/'tæk.taɪl/	thuộc xúc giác
74	sentimental	adj	/,sen.tɪ'men.təl/	thuộc tình cảm
75	modify	v	/'mɒd.ɪ.fai/	điều chỉnh
76	authentic	adj	/ɔ:'θen.tɪk/	chân thật

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	once and for all	một lần và mãi mãi
2	take advantage of something	tận dụng cái gì
3	take something into account/take account of something	xem xét cái gì
4	intend to do something	có ý định làm gì
5	make up for something	bù cho cái gì
6	get on with somebody	hòa hợp với ai
7	face up to something	đối mặt với cái gì
8	put up with somebody or something	chịu đựng ai/cái gì
9	access to something	sự tiếp cận cái gì